

UBND TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU  
**SỞ TÀI CHÍNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /STC-QLNS  
V/v hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021 - 2023

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày tháng 8 năm 2020

Kính gửi: UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 29/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021.

Căn cứ Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30/7/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021 - 2023.

Căn cứ Quyết định số 3456/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020.

Để chuẩn bị cho công tác xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021 - 2023, Sở Tài chính đề nghị Quý cơ quan, đơn vị nghiên cứu các văn bản quy định nêu trên để tổ chức thực hiện tại đơn vị mình và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện; đồng thời khẩn trương thực hiện các nội dung sau:

Để có cơ sở tổng hợp đánh giá đúng tình hình thực hiện ngân sách năm 2020, xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023 trình UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh và báo cáo Bộ Tài chính. Sở Tài chính đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2020, xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 và xây dựng kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023 theo nội dung tại các văn bản của Trung ương và UBND tỉnh nêu trên, trong đó cần làm rõ một số nội dung sau:

**I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020:**

**1. Về thu ngân sách:**

- Căn cứ kết quả thu NSNN 7 tháng đầu năm 2020, dự báo khả năng thực hiện thu NSNN cả năm 2020, phân tích kỹ nguyên nhân ảnh hưởng đến tăng, giảm thu NSNN; các nguyên nhân đặc thù khác ảnh hưởng đến tình hình tăng, giảm số thu ngân sách, cụ thể như sau:

+ Đánh giá tình hình thu các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Cục Thuế trực tiếp thu.

+ Tình hình thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

+ Tình hình thu phạt hành chính, phạt chậm nộp của ngành thuế.

+ Tình hình thu thuế thu nhập cá nhân.

+ Tình hình quản lý đối tượng người nộp thuế, điều chuyển đối tượng nộp thuế về Cục thuế quản lý.

- Đánh giá tình hình thực hiện các khoản thu về thuế, thu khác của các doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa từ năm 2011 trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

- Đánh giá chi tiết tình hình xử lý nợ đọng về thuế: Kết quả thực hiện công tác đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ đọng thuế năm 2020. Rà soát, xác định số nợ thuế đến ngày 31/12/2019, dự kiến số nợ phát sinh trong năm 2020, số nợ thuế được xóa theo quy định, số nợ thuế thu hồi được trong năm 2020 và số nợ còn lại đến ngày 31/12/2020. Tổng hợp, phân loại đầy đủ, chính xác số thuế nợ đọng theo quy định (nợ đọng theo từng loại doanh nghiệp, từng sắc thuế và ở từng ngành).

- Đánh giá các khoản thu khác ngân sách, thu sự nghiệp, thu hoa lợi công sản tại xã,... Đối với khoản thu khác ngân sách: Chi tiết các khoản thu khác ngân sách, phân tích rõ các khoản tăng đột biến so với dự toán giao, phân tích rõ các khoản được đưa vào cân đối ngân sách, các khoản thu để lại chi.

- Đánh giá tình hình thu ngân sách nhà nước khi thực hiện quy định sắp xếp lại, xử lý tài sản công theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ.

- Kết quả thực hiện thu phí, lệ phí; trong đó làm rõ tổng số thu, số thu nộp NSNN, số thu được để lại so với dự toán và sự phù hợp của tỷ lệ phí được để lại; thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt và tịch thu khác và các khoản thu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị sự nghiệp công trong 7 tháng đầu năm và ước cả năm 2020.

- Đánh giá các khoản thu không cân đối vào ngân sách, như: phí được để lại đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; thu học phí, các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí).

- Dự kiến nguồn lực địa phương sử dụng để bù đắp giảm thu ngân sách địa phương năm 2020 (nếu có) như: Nguồn dự phòng, nguồn cải cách tiền lương còn dư, nguồn kết dư,...

- Báo cáo các giải pháp điều hành thu ngân sách nhà nước 5 tháng cuối năm 2020.

## **2. Về chi ngân sách:**

## **2.1. Về chi đầu tư phát triển:**

- Rà soát đánh giá tình hình bố trí và giao dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020: các dự án từ nguồn được bổ sung có mục tiêu, các dự án được bố trí vốn từ nguồn được phân cấp, từ nguồn tăng thu, từ nguồn tiền sử dụng đất, chuyển nguồn từ các năm trước sang năm 2020, nguồn bổ sung trong năm và từ các nguồn khác.

Cụ thể:

- + Nguồn xổ số kiến thiết (sửa chữa trường học, trạm y tế);
- + Chương trình nông thôn mới;
- + Chi đầu tư các dự án hạ tầng kinh tế - xã hội; ...

- Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư XDCB năm 2020: Giá trị khối lượng đã thực hiện và số đã thanh toán đến ngày 30/6/2020, dự kiến khối lượng thực hiện và vốn thanh toán đến hết ngày 31/12/2020, chi tiết tỷ lệ giải ngân đạt, không đạt, vượt dự toán, nguyên nhân, kiến nghị (có biểu phụ lục chi tiết từng dự án, số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, vốn thanh toán lũy kế đến hết năm 2019, kế hoạch vốn năm 2020 - kể cả vốn bổ sung, điều chỉnh và ước thực hiện năm 2020, kèm theo thuyết minh).

- Tình hình quyết toán dự án đầu tư hoàn thành, trong đó nêu rõ: số dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 6 năm 2020 và dự kiến đến hết năm 2020; nguyên nhân và giải pháp xử lý.

- Báo cáo tình hình nợ đọng XDCB theo các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ: Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013; Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012,... đến hết ngày 31/12/2020.

- Đánh giá tình hình tạm ứng XDCB nhưng chưa được bố trí dự toán: Tạm ứng từ ngân sách cấp trên, tạm ứng từ ngân sách cấp huyện, cấp xã; từ đó đề xuất phương án thu hồi tạm ứng.

- Đánh giá tình hình chi sửa chữa trường học, trạm y tế và các công trình phúc lợi xã hội sử dụng nguồn xổ số kiến thiết; tình hình sửa chữa các công trình trụ sở cơ quan hành chính sự nghiệp, trụ sở thôn, ấp, khu phố; tình hình thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới,...

- Đánh giá tình hình chi mua sắm, sửa chữa và những vướng mắc phát sinh.

- Tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách xã hội hóa (tổng nguồn lực và cơ cấu nguồn lực xã hội hóa đầu tư theo ngành, lĩnh vực; số lượng các cơ sở được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa, kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và giải pháp khắc phục).

## **2.2. Về chi thường xuyên:**

- Đánh giá tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán NSNN 7 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2020 theo từng lĩnh vực chi được giao. Đánh giá tình hình triển khai thực hiện chính sách, biện pháp trong phòng chống,

dịch Covid-19 và hỗ trợ kinh phí phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh.

- Rà soát đánh giá tình hình sử dụng nguồn chi sự nghiệp kinh tế bổ sung (bao gồm bố trí dự toán đầu năm và bổ sung trong năm) có mục tiêu năm 2020.

- Báo cáo tình hình rà soát, sắp xếp và cắt giảm chi ngân sách (nếu có) để đảm bảo khả năng cân đối ngân sách địa phương năm 2020 theo văn bản chỉ đạo số 8064/UBND-VP ngày 05/08/2020 của UBND tỉnh về việc đẩy mạnh thực hiện các giải pháp điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân hàng địa phương những tháng cuối năm 2020.

- Phân tích nguyên nhân tăng giảm chi so với dự toán do: Tăng giảm biên chế ngành giáo dục, các khoản chi phát sinh, chi bổ sung có mục tiêu, chi từ nguồn dự phòng, chi khác ngân sách,...

- Đánh giá tình hình tạm ứng chi thường xuyên nhưng chưa được bố trí dự toán: Tạm ứng từ ngân sách cấp trên, tạm ứng từ ngân sách cấp huyện, cấp xã; từ đó đề xuất phương án thu hồi tạm ứng.

- Đánh giá tình hình thực hiện tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy: Kết quả đạt được trong 7 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm 2020 và cả giai đoạn 2016-2020, chi tiết theo từng mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII (Nghị quyết số 18-NQ/TW), Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương, Kết luận số 17-KL/TW ngày 11/9/2017 của Bộ Chính trị và các văn bản liên quan của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Đánh giá tình hình thực hiện đổi mới khu vực sự nghiệp công lập: kết quả sắp xếp, đổi mới hệ thống và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong 7 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm 2020 và cả giai đoạn 2016-2020, chi tiết theo từng mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII (Nghị quyết số 19-NQ/TW), Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ và các Nghị định của Chính phủ về cơ chế tự chủ trong các lĩnh vực sự nghiệp.

- Đánh giá tình hình thực hiện các chính sách an sinh xã hội:

- + Chính sách bảo trợ xã hội: Kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Luật Người cao tuổi, Luật Người khuyết tật, Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế trẻ em dưới 6 tuổi, học sinh, sinh viên, người nghèo, hộ cận nghèo và một số đối tượng khác theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; kinh phí chi bảo trợ xã hội, chế độ học bổng học sinh,...; chính sách hỗ trợ tiền điện cho các hộ nghèo, hộ chính sách xã hội quy định tại Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Chính sách hỗ trợ giáo dục – đào tạo: việc thực hiện miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non.

+ Chế độ chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, hộ thuộc diện chính sách, hộ nghèo, cận nghèo.

+ Chính sách hỗ trợ ngư dân: Theo Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ; Nghị định số 89/2015/NĐ-CP ngày 07/10/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014. Trong đó xác định cụ thể: Nhu cầu kinh phí (*có thuyết minh cơ sở xác định, cách tính*) và số kinh phí đã bố trí, số kinh phí còn phải bố trí.

- Rà soát, tổng hợp các chế độ, chính sách ảnh hưởng đến chi ngân sách địa phương năm 2020, giải pháp đảm bảo đối với nhiệm vụ chi tăng thêm.

- Tình hình sử dụng dự phòng ngân sách địa phương thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh ở người và trên gia súc, gia cầm, cây trồng đến ngày 31/7/2020 và dự kiến sử dụng đến 31/12/2020.

- Đánh giá nguồn và nhu cầu thực hiện cải cách tiền lương năm 2020 theo quy định tại Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 và Nghị định số 44/2019/NĐ-CP ngày 20/5/2019 của Chính phủ (bao gồm kinh phí thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 và Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015). Dự kiến nguồn và nhu cầu thực hiện cải cách tiền lương năm 2021 theo mức lương 1.490.000 đồng.

- Kiến nghị đề xuất nhằm tháo gỡ khó khăn trong quá trình điều hành ngân sách năm 2020 và xây dựng dự toán năm 2021.

## **II. VỀ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021:**

### **1. Yêu cầu:**

Năm 2021 là năm có ý nghĩa đặc biệt nghiêm trọng, là năm đầu triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp, thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021-2030. Nghị quyết số 122/2020/QH14 của Quốc hội về việc kéo dài thời kỳ ổn định NSNN giai đoạn 2017-2020 sang năm 2021 và lùi thời gian ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN cho thời kỳ ổn định ngân sách

mới sang năm 2021. Việc xây dựng dự toán NSNN năm 2021 phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Dự toán NSNN năm 2021 được xây dựng theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn Luật về quy trình, thời hạn, thuyết minh cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán, giải trình; đảm bảo phù hợp với mục tiêu cơ cấu lại ngân sách theo Quyết định số 2712/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị; đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ nhằm triển khai các Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW.

- Việc xây dựng dự toán thu, chi NSNN năm 2021 phải theo đúng các quy định của pháp luật về thu, chi và quản lý thu, chi ngân sách; trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán NSNN; quán triệt chủ trương triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán.

## **2. Xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước:**

### **2.1 Xây dựng dự toán thu NSNN:**

- Dự toán thu NSNN năm 2021 được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ thu NSNN hiện hành, có tính đến khả năng điều chỉnh chính sách của năm kế hoạch, trên cơ sở đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2020. Mọi khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác phải được tổng hợp, phản ánh đầy đủ vào cân đối NSNN theo quy định; tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thực hiện các văn bản pháp luật về thuế mới sửa đổi, bổ sung; yếu tố tăng thu từ tăng cường kiểm tra, thanh tra việc kê khai, nộp thuế của các tổ chức, cá nhân; các khoản thu được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và tăng thu từ chỉ đạo quyết liệt chống thất thu, thu số thuế nợ đọng từ các năm trước, các khoản thu từ các dự án đầu tư đã hết thời gian ưu đãi.

- Phần đầu dự toán thu nội địa (không kể thu tiền sử dụng đất) tăng tối thiểu từ 9-11% so với đánh giá ước thực hiện năm 2020.

- Phải tổng hợp đầy đủ các nguồn thu phát sinh trên địa bàn (bao gồm cả số thu ngân sách ở xã, phường, thị trấn), nhất là các khoản thu thuế nhà thầu nước ngoài, nhà thầu trong nước khi thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn, các dự án mới được đưa vào sản xuất kinh doanh; đồng thời loại trừ các khoản theo quy định không thuộc nguồn thu cân đối NSNN trên cơ sở đánh giá đầy đủ thực tế thực hiện năm 2019, những đặc thù của năm 2020 và đánh giá toàn diện việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2016-2020; dự báo tăng trưởng kinh tế trên địa bàn năm 2021 và số kiểm tra dự toán thu năm 2021 được UBND tỉnh thông báo; nguồn thu từ việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

### **2.2 Xây dựng dự toán chi NSNN:**

#### **2.2.1 Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển:**

- Dự toán chi đầu tư phát triển nguồn NSNN được xây dựng phù hợp với dự kiến định hướng mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, đảm bảo thực hiện đúng quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn.

- Dự toán chi đầu tư phát triển nguồn NSNN cần chi tiết theo các lĩnh vực chi phù hợp với quy định của Luật NSNN. Bố trí đủ dự toán chi đầu tư nguồn NSNN năm 2021 cho các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2021; bố trí vốn theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025. Ưu tiên bố trí vốn cho các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án phát triển hạ tầng trọng điểm có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước và bảo đảm phát triển hài hòa giữa các vùng trên địa bàn. Mức vốn bố trí cho từng dự án phải phù hợp với tiến độ thực hiện và khả năng giải ngân trong năm 2021.

- Xây dựng dự toán chi từ nguồn vốn được phân cấp, nguồn xổ số kiến thiết, nguồn tiền sử dụng đất, nguồn vốn phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng chương trình 135, nguồn tăng thu, nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh và các nguồn vốn khác.

### **2.2.2. Về xây dựng chi thường xuyên năm 2020:**

- UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ nhiệm vụ chính trị, định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 được UBND tỉnh giao, xây dựng dự toán chi thường xuyên cho từng lĩnh vực chi theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao năm 2021, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, định mức chi NSNN.

- Rà soát các nhiệm vụ chi đã có văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đồng ý chủ trương thực hiện để xem xét tham mưu bố trí nguồn kinh phí thực hiện.

- Đối với dự toán chi quản lý nhà nước cấp huyện, Đảng, đoàn thể, quản lý nhà nước cấp xã. Thuyết minh rõ các nội dung sau:

+ Rà soát các quyết định của cơ quan có thẩm quyền về giao biên chế năm 2020, trong đó làm rõ số biên chế thực có mặt đến thời điểm lập dự toán, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu được duyệt năm 2020.

+ Rà soát số lượng đối tượng được hưởng phụ cấp thu hút, phụ cấp ưu đãi vùng đặc biệt khó khăn, phụ cấp công tác Đảng, đoàn thể; phụ cấp thâm niên, phụ cấp khu vực, phụ cấp đặc biệt, các khoản chi đặc thù,...; dự toán chi gắn với lộ trình tinh giản biên chế, sắp xếp lại bộ máy hành chính giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 39-NQ/TW, Nghị quyết số 18-NQ/TW, Kết luận số 17-KL/TW; dự toán

ting giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ.

+ Kinh phí tổ chức bầu cử HĐND các cấp, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV.

- Dự kiến số chi từ nguồn tăng thu của đơn vị sự nghiệp công lập theo lộ trình thực hiện tính đúng, tính đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016, xây dựng dự toán giảm nhu cầu chi NSNN thường xuyên năm 2021 cho các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Một số điểm lưu ý thêm khi xây dựng dự toán năm 2021:

+ Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ chi đã bố trí trong dự toán năm 2020 để xây dựng dự toán chi 2021, khắc phục những khiếm khuyết, tồn tại hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi cho phù hợp.

+ Rà soát các nhiệm vụ chi còn dư nguồn qua công tác quyết toán ngân sách năm 2019, ước thực hiện dự toán năm 2020, đề xuất hướng xử lý và xây dựng dự toán năm 2021 sát với yêu cầu nhiệm vụ chi.

+ Đối với sự nghiệp giáo dục: tình hình thực hiện chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, chính sách phụ cấp thâm niên ngành giáo dục, chính sách ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

+ Các nội dung chi thường xuyên tăng thêm như: tăng đối tượng bảo trợ xã hội; số lượng đối tượng và dự toán kinh phí hỗ trợ tiền điện cho các hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo quy định; tăng biên chế giáo dục; tăng định mức chi theo chế độ, chính sách mới ban hành,... (phải thuyết minh cơ sở tính toán và nhu cầu kinh phí để thực hiện).

+ Chi các hoạt động kinh tế: Xây dựng trên cơ sở khối lượng nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và chế độ, định mức chi ngân sách quy định; tập trung bố trí chi cho những nhiệm vụ quan trọng được cấp có thẩm quyền giao: duy tu bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kinh tế trọng yếu (giao thông, thủy lợi, đê điều và công trình phòng chống thiên tai) để tăng thời gian sử dụng và hiệu quả đầu tư; bảo đảm an toàn giao thông; tìm kiếm cứu nạn; thực hiện nhiệm vụ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công.

+ Dự toán chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương: Năm 2021, tiếp tục thực hiện chính sách tạo nguồn cải cách tiền lương kết hợp triệt để tiết kiệm chi gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định; trong đó, sử dụng một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của các cơ quan, đơn vị, tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản



có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ), 70% nguồn tăng thu thực hiện của NSDP so dự toán năm 2020, 50% nguồn tăng thu dự toán năm 2021 của NSDP so dự toán năm 2020 và nguồn thực hiện cải cách tiền lương hết năm 2020 còn dư chuyển sang (nếu có).

+ Lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế: Việc lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2021 theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ, Thông tư số 31/2019/TT-BTC ngày 05/6/2019 của Bộ Tài chính.

+ Rà soát lại tình hình thành lập và cơ chế hoạt động của các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo quy định của Luật NSNN.

+ Đối với huyện Côn Đảo: đánh giá tình hình thực hiện bù lỗ đối với giá vận tải hành khách; công tác xây dựng đơn giá và tình hình thực hiện xã hội hóa vận tải khách.

### **III. LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH – NSNN 03 NĂM 2021-2023:**

- Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm.

- Căn cứ Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm.

- Tại Khoản 3, Điều 21 Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ Tài chính quy định: *“3. Đối với kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2020-2022: áp dụng các mẫu biểu từ số 01 đến số 06 và mẫu biểu từ số 13 đến số 19 ban hành kèm theo Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm.”*

Sở Tài chính đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm theo hướng dẫn tại Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ và Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính, báo cáo HĐND cùng cấp để tham khảo khi thảo luận, xem xét, thông qua dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách của địa phương hàng năm.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

a) Về mẫu biểu:

- Theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính (mẫu biểu gửi Sở Tài chính là 08 mẫu biểu, từ mẫu biểu số 28 đến mẫu biểu số 35 - Phụ lục 1).

- Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính (06 mẫu biểu từ mẫu biểu số 01 đến mẫu biểu số 06).

- Thông tư số 71/2017/TT-BTC ngày 13/7/2017 của Bộ Tài chính (03 mẫu biểu từ mẫu biểu số 01 đến mẫu biểu số 03).

- Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30/7/2020 của Bộ Tài chính (04 mẫu biểu từ mẫu biểu số 02 đến mẫu biểu số 05).

b) Về thời gian gửi báo cáo: Gửi báo cáo bằng văn bản về Sở Tài chính trước ngày **15/9/2020** để kịp tổng hợp.

c) Năm 2021 là năm kéo dài trong thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017-2020; căn cứ quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 28 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ, Sở Tài chính chỉ tổ chức thảo luận dự toán năm 2021 với UBND các huyện, thị xã, thành phố khi có đề nghị bằng văn bản.

Do đó, trường hợp UBND các huyện, thị xã, thành phố có nhu cầu thảo luận dự toán năm 2021, đề nghị có văn bản đăng ký gửi về Sở Tài chính trước ngày **15/9/2020** để bố trí lịch làm việc.

Trên đây là một số nội dung hướng dẫn thêm về tổ chức thực hiện xây dựng dự toán ngân sách cấp huyện, xã năm 2021 và kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm 2021-2023, Sở Tài chính đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố quan tâm chỉ đạo, thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Ban KTNS - HĐND tỉnh;
- Sở Kế hoạch & Đầu tư;
- Cục Thuế tỉnh;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, QLNS (Trí).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trương Kim Tân**